

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA NGÀNH BẢO HIỂM TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM GIA NHẬP CPTPP

Ths. Đinh Ngọc Linh

Ths. Trần Thị Quỳnh Hoa

Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được coi là Hiệp định thương mại tự do (FTA) lớn thứ ba thế giới hiện nay với tổng dân số 500 triệu người, tổng GDP vượt hơn 10 nghìn tỷ USD, chiếm khoảng 13,5% GDP toàn cầu và khoảng 14% tổng thương mại thế giới. Hiệp định CPTPP kế thừa tinh thần Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), nhưng có những tiêu chuẩn cao, tham vọng, toàn diện và cân bằng với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ tạo ra và duy trì việc làm; tăng cường đổi mới, năng suất, và sức cạnh tranh; nâng cao mức sống; giảm đói nghèo ở các nước ký kết; đồng thời thúc đẩy quản lý hiệu quả, minh bạch, bảo vệ người lao động, bảo vệ môi trường. Mục tiêu cuối cùng của CPTPP là mở cửa thương mại và hội nhập cho toàn khu vực. Việc ký kết, thực thi và khai thác CPTPP, cùng với các FTA khác, được kỳ vọng sẽ kéo theo những chuyển dịch mới cả về kinh tế và địa chính trị khu vực và thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, quá trình hội nhập trong lĩnh vực dịch vụ tài chính nói chung và ngành bảo hiểm nói riêng vẫn còn nhiều thách thức.

1. Cam kết hội nhập dịch vụ tài chính, lĩnh vực bảo hiểm trong CPTPP

Cam kết về dịch vụ bảo hiểm của Việt Nam đã ở mức tự do hóa cao trong cam kết WTO, Việt Nam chỉ bảo lưu một số ít các hạn chế về mở cửa thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài như: chưa cho phép thành lập chi nhánh bảo hiểm nhân thọ của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, chưa cho phép cung cấp dịch vụ qua biên giới đối với dịch vụ nhượng tái bảo hiểm...

Việc gia nhập WTO tạo cơ hội cho việc phát triển nhiều sản phẩm mới và thu hút các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Lĩnh vực bảo hiểm ngày càng thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (cụ thể như trong bảo hiểm nhân thọ, đến nay trong số 18 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, có 17 doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài⁷⁵) và nhiều nhà đầu tư chiến lược

⁷⁵ “Thị trường bảo hiểm nhân thọ: thế cuộc trong tay tân binh FDI”, <http://finance.tvsi.com.vn/news/detailNews?newsid=450579>

nước ngoài đầu tư vào các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước, góp phần nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ bảo hiểm. Các dịch vụ bảo hiểm đã được đa dạng hóa, bao quát hầu hết các loại hình tài sản của mọi thành phần kinh tế, mọi ngành kinh tế.

Trong các FTA đã ký kết, Việt Nam không mở cửa thêm dịch vụ bảo hiểm so với cam kết WTO. Theo đó các cam kết của Việt Nam đối với lĩnh vực bảo hiểm cụ thể như sau:

Về phương thức cung cấp dịch vụ, các gói cam kết về mở cửa dịch vụ bảo hiểm trong khuôn khổ các FTA bao gồm cả 4 phương thức cung cấp dịch vụ là: Phương thức 1 – Cung cấp dịch vụ qua biên giới, Phương thức 2 – Tiêu dùng ở nước ngoài, Phương thức 3 – Hiện diện thương mại, và Phương thức 4 – Hiện diện thể nhân⁷⁶.

Về phạm vi cam kết, mức độ:

- Các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài nếu đủ điều kiện theo luật kinh doanh bảo hiểm sẽ được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam⁷⁷.

- Không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam: Quản lý nhà nước tuân thủ theo luật kinh doanh bảo hiểm và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

⁷⁶Các Gói cam kết khuôn khổ Hiệp định AFAS trong Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint) chỉ đề cập đến 3 Phương thức 1,2,3 còn Phương thức 4 được tách ra đàm phán riêng trong Hiệp định về di chuyển thể nhân ASEAN (MNP) vào năm 2012.

⁷⁷Việt Nam cam kết cho phép các công ty bảo hiểm nước ngoài mở văn phòng đại diện, liên doanh (từ năm 2007); được thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (từ năm 2008); mở chi nhánh (từ năm 2012). Tuy nhiên, cũng có quy định một số hạn chế về vốn góp của bên nước ngoài và một số dịch vụ kinh doanh: (i) *Văn phòng đại diện*: Các văn phòng đại diện không được thực hiện các hoạt động kinh doanh sinh lời trực tiếp. (ii) *Liên doanh với đối tác Việt Nam*: không hạn chế vốn góp của phía nước ngoài. (iii) *Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài*: không được kinh doanh các dịch vụ bảo hiểm bắt buộc tuy nhiên, thời gian hạn chế rất ngắn (bãi bỏ các hạn chế này từ ngày 1/1/2008). (iv) *Chi nhánh của công ty nước ngoài* chỉ giới hạn ở cung cấp dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài được cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua biên giới (không có hiện diện thương mại) theo các quy định trong luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm.

Tuy nhiên, các đối tác trong CPTPP thường có nền dịch vụ tài chính phát triển và đưa ra yêu cầu cao về mở cửa thị trường cũng như các quy định mang tính nguyên tắc nhằm ràng buộc chặt chẽ hơn nữa trách nhiệm của các nước thành viên với nhà đầu tư nước ngoài. Cam kết về dịch vụ tài chính, bảo hiểm trong CPTPP có một số điểm mới sau:

Các cam kết thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính của CPTPP hướng tới đẩy mạnh sự phát triển của thị trường dịch vụ tài chính ở các nước thành viên, trong đó có Việt Nam, gồm: (i) Mở rộng cam kết về mở cửa thị trường đi kèm với cơ chế minh bạch hóa tạo cơ hội tiếp cận thị trường tốt hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài; (ii) Áp dụng cơ chế bảo hộ đầu tư nhằm bảo đảm đầy đủ lợi ích của các nhà đầu tư; (iii) Bảo đảm không gian chính sách để thực hiện các biện pháp quản lý thận trọng nhằm xây dựng một nền tài chính vĩ mô ổn định.

Giống như WTO hay các FTA khác, CPTPP cũng quy định đối xử quốc gia; đối xử tối huệ quốc; tiếp cận thị trường và một vài quy định cụ thể về việc cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới. Tuy nhiên, theo nội dung đã kết thúc đàm phán trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, một nhà cung cấp dịch vụ của một nước CPTPP có thể cung cấp dịch vụ tài chính tại thị trường của nước tham gia CPTPP khác, nếu các công ty trong nước hoạt động tại thị trường này được phép cung cấp dịch vụ đó.

Các nước thành viên của CPTPP phải ban hành quy định trường hợp ngoại lệ đối với một số quy tắc trong hai phụ lục đính kèm theo CPTPP và phù hợp với điều kiện của từng nước: (i) Các biện pháp hiện hành quy định, bên tham gia phải có nghĩa vụ không áp đặt thêm bất kỳ biện pháp chế tài nào khác trong tương lai, cũng như tuân thủ thỏa thuận tự do hóa trong các hoạt động sau này; (ii) Các biện pháp và chính sách quy định bên tham gia có đầy đủ quyền tự quyết trong tương lai.

Các nước tham gia CPTPP cũng đặt ra các nguyên tắc công nhận chính thức tầm quan trọng của các quy trình thủ tục pháp lý nhằm khuyến khích việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm của các nhà cung cấp được cấp phép và các quy trình để đạt được mục tiêu này. Ngoài ra, CPTPP cũng đề cập đến các

cam kết cụ thể về quản lý danh mục đầu tư, các dịch vụ thẻ thanh toán điện tử và chuyển giao thông tin để phục vụ mục đích xử lý dữ liệu.

Tuy nhiên, CPTPP cũng đề cập đến các trường hợp ngoại lệ trong việc bảo hộ quyền tự chủ của các nhà quản lý tài chính của các nước tham gia CPTPP, trong đó họ sẽ được quyền chủ động thực hiện các biện pháp củng cố tính ổn định tài chính và tính thống nhất của hệ thống tài chính của mình; bao gồm, những quy định ngoại lệ mà các quốc gia thành viên xem xét một cách thận trọng và những quy định ngoại lệ về các biện pháp không phân biệt đối xử trong quá trình thiết lập và thực thi các chính sách tiền tệ hay các chính sách khác.

So với cam kết WTO, Việt Nam cam kết mở cửa bổ sung đối với một số loại hình dịch vụ mới như: (i) Mở cửa dịch vụ nhượng tái bảo hiểm qua biên giới; (ii) Dành đối xử quốc gia cho các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài đối với một số dịch vụ như xử lý dữ liệu tài chính qua biên giới; dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ qua biên giới liên quan tới giao dịch tài khoản tự doanh hoặc tài khoản của khách hàng; (iii) Mở cửa dịch vụ quản lý danh mục đầu tư qua biên giới.

Như vậy, so với WTO hay các FTA khác, mức độ tự do hóa tài chính trong khuôn khổ CPTPP rất cao dù các nước thành viên được quyền chủ động thực hiện các biện pháp củng cố tính ổn định tài chính và tính thống nhất của hệ thống tài chính của mình.

2. Những cơ hội khi gia nhập các FTA đối với mở cửa thị trường bảo hiểm Việt Nam

Do bối cảnh giữa các quốc gia trong các hiệp định FTA và giữa Việt Nam với các nước còn có sự chênh lệch, vì vậy, tác động của các hiệp định FTA đối với Việt Nam luôn xen kẽ cơ hội và thách thức. Cơ hội đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam thể hiện trên một số góc độ sau:

Một là, việc thực hiện các FTA mang lại gia tăng nhu cầu bảo hiểm tạo cơ hội có được một thị trường rộng lớn hơn.

Với việc thực hiện các cam kết theo các hiệp định FTA, hàng hóa, dịch vụ giữa các nước thành viên sẽ được tự do hóa dịch chuyển, theo đó sẽ khuyến khích các hoạt động kinh doanh và đầu tư lớn hơn. Đầu tư nước ngoài trực tiếp gia tăng và hoạt động kinh tế sẽ mang lại việc gia tăng nhu cầu bảo hiểm. Cụ thể:

- Đối với **bảo hiểm phi nhân thọ**, nhu cầu bảo hiểm tài sản sẽ tăng lên nhanh chóng bởi: hoạt động đầu tư FDI từ các nước thành viên vào Việt Nam cũng như các nước khác đầu tư vào Việt Nam để hưởng ưu đãi bởi việc xóa bỏ rào cản theo cam kết của các hiệp định FTA sẽ gia tăng. Bên cạnh đó, **bảo hiểm du lịch trong và ngoài nước cũng sẽ gia tăng** bởi hoạt động giao thương kinh tế, văn hóa, du lịch sẽ làm gia tăng lượng khách nước ngoài đến Việt Nam tìm cơ hội đầu tư, làm ăn tại Việt Nam, du lịch, hoạt động văn hóa thể thao... Ngược lại, số lượng người Việt Nam tới các quốc gia thành viên tìm cơ hội đầu tư làm ăn, du lịch, giao lưu văn hóa.... cũng sẽ gia tăng.

- Đối với **bảo hiểm nhân thọ**, nhu cầu bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe tăng cao về số lượng và chất lượng sản phẩm bởi: Về thị trường trong nước, các hiệp định FTA sẽ thúc đẩy hoạt động đầu tư, hỗ trợ nền kinh tế Việt Nam phát triển, tăng cao hội việc làm tại các doanh nghiệp nước ngoài,... từ đó nâng cao thu nhập của người dân. Cụ thể đối với CPTPP, theo tính toán của Ngân hàng thế giới WB về tác động của CPTPP đến phân bổ thu nhập người dân Việt Nam, đến các năm 2025 và 2030, CPTPP sẽ giúp Việt Nam thoát nghèo với mức chuẩn nghèo 5,5 USD/ngày tương ứng cho 0,9 và 0,6 triệu người⁷⁸. Thu nhập tăng dẫn tới khả năng tài chính để đóng bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe, nhu cầu bảo hiểm nhân thọ chất lượng cao theo đó mà gia tăng. Ngoài ra, lượng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam gia tăng cũng sẽ góp phần nâng nhu cầu bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe. Về thị phần nước ngoài, việc xóa bỏ các rào cản theo các cam kết của các hiệp định sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam xâm nhập vào thị trường của các nước thành viên.

Hai là, Cơ hội đa dạng hóa thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trên thị trường bảo hiểm Việt Nam giúp mở rộng cơ hội đa dạng hóa thị trường, nâng cao chất lượng đa dạng hóa dịch vụ trên các khía cạnh sau: (i) Người tiêu dùng có cơ hội lựa chọn đa dạng hóa hơn đối với các sản phẩm bảo hiểm; (ii) Nâng cao chất lượng sản phẩm; (iii) Tăng cường phạm vi và mức độ phục vụ ngành dịch vụ bảo hiểm ở những vùng, những ngành mà mức độ thâm nhập và phục vụ của các dịch vụ bảo hiểm vẫn còn thấp.

⁷⁸“Tham gia CPTPP, thu nhập của người lao động Việt Nam sẽ thay đổi như thế nào?”. <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/tham-gia-cptpp-thu-nhap-cua-nguoi-lao-dong-viet-nam-se-thay-doi-nhu-the-nao-20180309103454034.htm>

Số doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, 2007-2018

	Tổng số DNBH, MGBH	Doanh nghiệp phi nhân thọ	Doanh nghiệp nhân thọ	Doanh nghiệp tái bảo hiểm	DN môi giới bảo hiểm
2007	40	22	9	1	8
2008	49	27	11	1	10
2009	50	28	11	1	10
2010	53	29	12	1	11
2011	57	29	14	2	12
2012	57	29	14	2	12
2013	59	29	16	2	12
2014	61	30	17	2	12
2015	61	30	17	2	12
2016	63	30	18	2	13
2017	63	29	18	2	14
T9/2018	63	29	18	2	14

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám Thị trường bảo hiểm Việt Nam các năm

Sau khi Việt Nam thực hiện mở cửa, hội nhập số lượng doanh nghiệp bảo hiểm tăng tương đối nhanh, đặc biệt là doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2007, chỉ có 40 doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) hoạt động trên thị trường, trong đó có 22 DNBH phi nhân thọ, 9 DNBH nhân thọ, 1 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 8 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Sau hội nhập số lượng DNBH tăng nhanh, hiện nay đã có 63 DNBH hoạt động tại Việt Nam, trong đó gồm 29 DNBH phi nhân thọ, 1 chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam, 18 DNBH nhân thọ, 14 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Ba là, Hội nhập FTA sâu rộng góp phần tạo cơ hội mở rộng, phát triển thị trường ra nước ngoài đối với các DNBH Việt Nam.

Hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và tham gia CPTPP nói riêng đã mở ra cho các DNBH Việt Nam một cơ hội tiếp cận thị trường ở nước ngoài. Hội nhập tạo điều kiện cho các DNBH trong nước mở rộng hoạt động ra thị trường nước ngoài thông qua việc cung cấp dịch vụ trong khuôn khổ cam kết, đặc biệt là hiện diện thương mại và cung cấp qua biên giới. Hội nhập FTA sâu

rộng góp phần tăng quy mô của các doanh nghiệp bảo hiểm nói riêng và thị trường bảo hiểm nói chung.

Từ năm 2007 đến nay, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường tăng đều qua các năm, tính đến tháng 6/2018 đạt 59.800 tỷ đồng (trong đó doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 22.297 tỷ đồng, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 37.503 tỷ đồng) tăng 25,98% so với cùng kỳ 2017. Bảo hiểm trở thành kênh huy động vốn dài hạn hữu hiệu của nền kinh tế với tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đạt 242.526 tỷ đồng vào năm 2017, gấp hơn 5,2 lần so với năm 2007. Số tiền các doanh nghiệp chi trả bồi thường sau hội nhập cũng tăng nhanh, năm 2017 đạt 31.325 tỷ đồng gấp hơn 4,4 lần so với năm 2007.

Bốn là, Cơ hội nâng cao chất lượng nhân sự.

Sau khi các FTA có hiệu lực, mở rộng cánh cửa hội nhập thị trường bảo hiểm, ngành bảo hiểm sẽ được hưởng lợi đáng kể từ dòng chảy lao động, giúp giải quyết vấn đề khó khăn về nhân sự cấp cao, đặc biệt là nhân sự về chuyên gia tính toán bảo hiểm (actuary), đầu tư, luật, phân tích rủi ro.... Cụ thể : (i) *Một là*, sự tham gia điều hành, quản trị của các nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm là yếu tố quan trọng để cải thiện nhanh chóng trình độ quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tài chính, bảo hiểm của Việt Nam; (ii) *Hai là*, nhận được sự hỗ trợ tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mới của nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức tài chính quốc tế hỗ trợ xây dựng năng lực quản trị tiên tiến; (iii) *Ba là*, các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước sẽ được tăng cường khả năng phòng ngừa và xử lý rủi ro nhờ áp dụng công nghệ hiện đại, kỹ năng quản trị, phát triển sản phẩm mới vào quản lý, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính.

Năm là, Cải thiện năng lực tài chính của ngành bảo hiểm, nâng cao uy tín doanh nghiệp bảo hiểm.

Khi thực hiện những cam kết hội nhập, sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của các DNBH sẽ ngày càng giảm và hạn chế sự bảo hộ. Các DNBH Việt Nam được tham gia vào một sân chơi kinh doanh bình đẳng và mang tính chuyên nghiệp cao. Bối cảnh này tạo điều kiện để các DNBH Việt Nam trở nên năng động hơn trong hoạt động kinh doanh, đồng thời, các DNBH có cơ hội thể hiện năng lực và trình độ của mình.

Các DNBH trong nước buộc phải chuyên môn hóa sâu hơn các nghiệp vụ nhanh chóng tiếp cận và phát triển các dịch vụ mới, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, khai thác và áp dụng hiệu quả hơn ưu thế nhằm mở rộng thị phần trên thị trường trong nước và quốc tế. Sau khi hội nhập FTA, năng lực tài chính của ngành bảo hiểm (tổng tài sản, vốn chủ sở hữu...) có sự thay đổi đáng kể qua các thời kỳ. Năm 2007, tổng tài sản của các doanh nghiệp tăng 1,46 lần và vốn chủ sở hữu của toàn thị trường tăng 2,11 lần so với năm 2006. Đến cuối năm 2017, Tổng tài sản toàn thị trường ước đạt 307.636 tỷ đồng (tăng 25% so với năm 2016), hầu hết các DNBH đều tăng trưởng tổng tài sản (42/48 DNBH); tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 66.035 tỷ đồng (tăng 23% so với năm 2016); tổng dự phòng nghiệp vụ của các DNBH ước đạt 190.555 tỷ đồng (tăng 24,37% so với năm 2016). Những yếu tố trên đã góp phần tích cực nâng cao khả năng tài chính, uy tín doanh nghiệp bảo hiểm.

3. Những thách thức khi gia nhập các FTA đối với mở cửa thị trường bảo hiểm Việt Nam

Thị trường bảo hiểm Việt Nam mặc dù tăng trưởng ổn định song quy mô thị trường bảo hiểm vẫn còn ở mức khá nhỏ, tỷ lệ doanh thu phí trên GDP mới chỉ đạt mức xấp xỉ 2% so với mức trung bình 3,2% trong khu vực ASEAN và 6,5% trên toàn thế giới⁷⁹. Những thách thức mà các DNBH phải đối mặt khi Việt Nam tham gia vào các hiệp định FTA trước đây và các FTA thế hệ mới (CPTPP VÀ EVFTA) cũng không phải là ít. Các hiệp định FTA tạo nên thị trường mới rộng lớn, nhưng khi tham gia vào thị trường đó các DNBH Việt Nam buộc phải tuân thủ những quy định mới. Với cùng một quy định, môi trường hoạt động, chỉ những doanh nghiệp mạnh và hoạt động có hiệu quả hơn mới tồn tại. Các DNBH Việt Nam dù lớn hay nhỏ cũng đều có mối lo chung là có nguy cơ cạnh tranh bởi các DNBH nước ngoài có thâm niên hoạt động theo cơ chế thị trường và có nền tài chính hùng hậu. Sự tham gia của các DNBH nước ngoài lớn vào thị trường sẽ làm gia tăng áp lực cạnh tranh cho thị trường bảo hiểm trong nước. Cụ thể:

Một là, Chịu sự cạnh tranh của các DNBH nước ngoài ngay tại thị trường trong nước. Cụ thể

⁷⁹Nguyễn Minh Phong (11/2018), “CPTPP - Kỳ vọng và thách thức mới với ngành tài chính”, Báo Nhân dân điện tử

- Đối với *Bảo hiểm phi nhân thọ*: Các DNBH phi nhân thọ tại Việt Nam phải nắm bắt nhu cầu để phát triển các sản phẩm hoặc cải tiến các sản phẩm phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế, xã hội: Bảo hiểm công nghệ cao, bảo hiểm công trình quy mô lớn, phức tạp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm hàng hóa xuất khẩu, bảo hiểm ô nhiễm môi trường, bảo hiểm trách nhiệm pháp lý, ...

Các DNBH phi nhân thọ tại Việt Nam sẽ cạnh tranh gay gắt với nhau khi số lượng DNBH tăng và các dịch vụ bảo hiểm mang lại doanh thu hấp dẫn. Các DNBH phi nhân thọ phải nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng dịch vụ chăm sóc và các tiện ích cho khách hàng, quản lý rủi ro và phân tán rủi ro để nâng cao hiệu quả bảo hiểm. Khi số lượng xe ô tô tăng nhanh, máy móc thiết bị công nghiệp hiện đại mới đưa vào Việt Nam tăng, số lượng khách hàng tăng, ...

Các DNBH tại Việt Nam phải cạnh tranh với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại nước ngoài được bán sản phẩm qua biên giới, nếu sản phẩm bảo hiểm không có hoặc kém hấp dẫn hoặc không đáp ứng được trên tiêu chuẩn tiên tiến của quốc tế. Các DNBH tại Việt Nam mất cơ hội nhận tái bảo hiểm từ DNBH trong nước và nước ngoài nếu không đạt đủ tiêu chí xếp hạng.

- Đối với *Bảo hiểm nhân thọ*: Các DNBH buộc phải nghiên cứu, phát triển sản phẩm bảo hiểm, cải tiến sản phẩm bảo hiểm có sức hấp dẫn so với sản phẩm cùng loại của DNBH khác hoặc DNBH nhân thọ nước ngoài đã từng cung cấp cho người nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam. Các DNBH nhân thọ sẽ cạnh tranh gay gắt với nhau khi số lượng doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được cấp phép hoạt động tại Việt Nam ngày một tăng. Nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh từ khâu phân phối sản phẩm bảo hiểm, quản lý hợp đồng và khách hàng, quản trị rủi ro, quản trị và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính để tồn tại và phát triển là áp lực cho việc quản trị điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. Ngoài ra, các DNBH nhân thọ phải cạnh tranh với các định chế tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản trong thu hút tiền nhàn rỗi đầu tư vào bảo hiểm nhân thọ.

Hai là, thị trường tái bảo hiểm trong nước vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào sự hỗ trợ của doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, các doanh nghiệp tái bảo hiểm sẽ chịu sự cạnh tranh mạnh hơn từ các doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài.

Trong các FTA đã ký kết, Việt Nam không mở cửa thêm dịch vụ bảo hiểm so với cam kết WTO, nhưng thêm vào đó, mỗi hiệp định FTA đặt ra đòi

với Việt Nam có những đặc điểm riêng biệt, cụ thể như trong hiệp định CPTPP Việt Nam đã cam kết mở cửa bổ sung đối với một số loại hình dịch vụ mới, trong đó có *Mở cửa dịch vụ nhượng tái bảo hiểm qua biên giới*.

Mặc dù, các doanh nghiệp bảo hiểm gốc trong nước cũng phải đối mặt với cạnh tranh từ các doanh nghiệp bảo hiểm gốc nước ngoài nhưng sự khác biệt về văn hóa sẽ góp phần hạn chế phần nào sự cạnh tranh này. Trong khi đó, khách hàng của các doanh nghiệp tái bảo hiểm trong nước là các công ty bảo hiểm nước ngoài nên rào cản văn hóa không giúp các doanh nghiệp tái bảo hiểm trong nước tránh cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài lớn hơn và giàu kinh nghiệm hơn.

Hơn nữa, *thị trường tái bảo hiểm trong nước vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào sự hỗ trợ của doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài*. Theo số liệu từ Cục Quản lý và Giám sát bảo hiểm, quy mô thị trường tái bảo hiểm tại Việt Nam năm 2017 đạt 13.066 tỷ đồng, tăng 9,1% so với năm 2016. Các nhà tái bảo hiểm nước ngoài nắm giữ 72%, phần còn lại thuộc về Vinare (thành lập năm 1994) và PVIRE (thành lập năm 2011)⁸⁰.

Ba là, sự phát triển không đồng đều của ngành bảo hiểm cũng như cách quản trị rủi ro⁸¹ và quy định pháp lý giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ví dụ như quy định về quản lý, giám sát DNBH, mặc dù Việt Nam đặt ra mục tiêu là đưa hệ thống giám sát tiếp cận với những chuẩn mực quốc tế⁸², các quy định pháp lý về quản lý, giám sát DNBH đã được tăng cường nhưng vẫn được đánh giá là chưa theo kịp và chưa đáp ứng được điều kiện phát triển và xu hướng của thị trường bảo hiểm đặc biệt trong bối cảnh các sản phẩm tài chính như bảo hiểm, chứng khoán, ngân hàng ngày càng có sự phát triển giao thoa, đa dạng, phức tạp.

⁸⁰Diệu Anh (02/2018), “Sức sống mới của doanh nghiệp tái bảo hiểm hàng đầu Việt Nam”, Đầu tư chứng khoán

⁸¹Ví dụ như với hội nhập AEC, ngành bảo hiểm của Singapore được cho là tự do hóa nhất còn các nước Myanmar, Lào, Campuchia vẫn còn nhiều rào cản ; giới hạn mức sở hữu nước ngoài tối đa ở Indonesia và Malaysia lên tới 80% và 70% trong khi Việt Nam vẫn duy trì ở mức 49%.

⁸²Ngày 15/02/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 193/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020, trong đó nêu rõ đến năm 2020 sẽ tuân thủ hoàn toàn các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.

Hiện nay, cơ quan giám sát Việt Nam đang nghiêng về phương pháp giám sát tuân thủ⁸³(thông qua giám sát hoạt động nghiệp vụ, tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm), phương pháp này được đánh giá là chưa coi trọng thỏa đáng công tác giám sát trên cơ sở rủi ro và dự báo/ cảnh báo sớm. Trong khi đó, thực tiễn trên thế giới cho thấy các quốc gia có thị trường bảo hiểm phát triển đang chuyển dần sang phương pháp giám sát dựa trên cơ sở rủi ro, phổ biến nhất là mô hình của Châu Âu (mô hình Solvency II); Australia, Canada, Nhật Bản (đang áp dụng một phần mô hình Solvency II; mô hình của Mỹ (mô hình RBC, Risk Based Capital); một số quốc gia đang phát triển cũng bắt đầu áp dụng phương pháp giám sát dựa trên cơ sở rủi ro như Trung Quốc, Brazil, Mexico.... Ngoài ra, năng lực quản trị, điều hành của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp bảo hiểm nói riêng hiện vẫn bị đánh giá là còn yếu. Trên thực tế, một số DNBH phi nhân thọ vẫn đang áp dụng mô hình quản lý phi tập trung, phân cấp, hệ thống công nghệ thông tin chưa được đầu tư đúng mức, khiến trong quá trình hoạt động còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng và xu hướng chung của thế giới, Việt Nam cần phải có sự chuẩn bị và từng bước chuyển sang phương thức giám sát trên cơ sở rủi ro.

Bốn là, áp lực nâng cao chất lượng và dịch chuyển nguồn nhân lực chất lượng cao sang các tổ chức nước ngoài và khu vực.

Trong thời kỳ phát triển, khu vực tài chính có thể thu hút được một lực lượng lớn lao động tham gia và là một trong những khu vực có mức tiền lương cao, song trong thời kỳ khủng hoảng và suy thoái, lao động trong khu vực tài chính cũng là nhóm người dễ bị tổn thương nhất, phải chịu sức ép sa thải hoặc cắt giảm tiền lương. Ngay cả khi không phải do sự suy giảm về xu hướng kinh doanh thì trong khu vực tài chính cũng luôn diễn ra một chu trình di chuyển lao động khắc nghiệt. Đó là việc cắt giảm lao động có tay nghề thấp để thay thế bằng lao động có tay nghề cao, điều này dễ xảy ra tình trạng chảy máu chất xám của lao động có tay nghề cao trong quá trình cạnh tranh. Vì thế, một trong những thách thức lớn của các DNBH Việt Nam là việc giữ chân

⁸³Trong Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010 khẳng định: Giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua hoạt động nghiệp vụ, tình hình tài chính, quản trị DN, quản trị rủi ro và việc chấp hành pháp luật của DNBH, DN môi giới bảo hiểm; áp dụng các biện pháp cần thiết để DNBH bảo đảm các yêu cầu về tài chính và thực hiện những cam kết với bên mua bảo hiểm.

nhân tài, tránh sự dịch chuyển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam sang các nước khu vực.

Kết luận:

Nhìn chung, với việc ký kết các Hiệp định FTA, chú trọng hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng đối với việc mở rộng thị trường dịch vụ tài chính nói chung và dịch vụ bảo hiểm nói riêng tại Việt Nam. Bên cạnh những cơ hội, quá trình hội nhập nói chung trong lĩnh vực bảo hiểm nói riêng tiềm ẩn không ít rủi ro và thách thức, đòi hỏi các DNBH Việt Nam không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, để không chỉ đứng vững, mà còn khẳng định vị trí của mình trong khu vực và quốc tế. Để có thể phát triển thị trường bảo hiểm bền vững, không chỉ các DNBH mà đơn vị quản lý DNBH cũng cần chủ động xác định và tận dụng tốt cơ hội cũng như ứng phó hiệu quả thách thức mà các FTA đã ký trước đây và các FTA thế hệ mới CPTPP, EVFTA đem lại.

Tài liệu tham khảo:

1. Viện CL&CSTC (2015), Đánh giá tác động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam theo các cam kết song phương và đa phương.
2. Nguyễn Việt Lợi (2016), “Thị trường tài chính trong cộng đồng kinh tế Asean: cơ hội và thách thức cho Việt Nam”. Kỷ yếu Hội thảo “Cộng đồng kinh tế ASEAN: Cơ hội và thách thức đối với thị trường tài chính Việt Nam”
3. Viện CL&CSTC (2016), Sách Tài chính Việt Nam năm 2015, NXB Tài chính
4. Nguyễn Minh Phong (11/2018), “CPTPP - Kỳ vọng và thách thức mới với ngành tài chính”, Báo Nhân dân điện tử.
5. Diệu Anh (02/2018), “Sức sống mới của doanh nghiệp tái bảo hiểm hàng đầu Việt Nam”, Đầu tư chứng khoán.
6. Nguyễn Khánh (03/2018), “Tham gia CPTPP, thu nhập của người lao động Việt Nam sẽ thay đổi như thế nào?”. Dân Trí điện tử
7. Niên giám thị trường bảo hiểm Việt Nam các năm - Cục Quản lý giám sát bảo hiểm.